

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG PVCOM

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
(đã được soát xét)



QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG PVCOM

Tầng 9, Tòa nhà Hapro, Số 11B, Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ	02-03
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	04-08
Báo cáo của Ngân hàng giám sát	09
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	10-11
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	12-37
Báo cáo thụ nhập giữa niên độ	12
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ	13-14
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ	15
Báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ	16-17
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	18
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	19-37

QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG PVCOM

Tầng 9, Tòa nhà Hapro, Số 11B, Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Ban Đại diện Quỹ Đầu tư Cân bằng PVCOM (sau đây gọi tắt là "Quỹ") trình bày Báo cáo này và phê duyệt báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024.

QUỸ

Quỹ Đầu tư Cân bằng PVCOM được thành lập ngày 24 tháng 05 năm 2023 dưới hình thức Quỹ mở theo Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 29 tháng 11 năm 2019 và các văn bản pháp luật có liên quan. Quỹ được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký đại chúng số 67/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCK") cấp ngày 24 tháng 05 năm 2023. Theo đó, Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ tại: Tầng 9, Tòa nhà Hapro, Số 11B, Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Quỹ Đầu tư Cân bằng PVCOM được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (sau đây được gọi tắt là "Công ty Quản lý Quỹ"). Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 23/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 14 tháng 12 năm 2007 và Giấy phép sửa đổi gần nhất số 19/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán cấp ngày 22 tháng 02 năm 2023 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0102574966 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2007, thay đổi lần thứ 03 ngày 06 tháng 02 năm 2023.

Công ty Quản lý Quỹ được sở hữu 99,97% bởi Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam ("Ngân hàng Mẹ"), một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty Quản lý Quỹ bao gồm: quản lý danh mục đầu tư, quản lý quỹ và cung cấp các dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán theo các quy định của pháp luật.

Công ty Quản lý Quỹ có Trụ sở chính tại: Tầng 9, Tòa nhà Hapro, Số 11B, Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này là Ông Trần Quang Vinh - chức danh Giám đốc

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-073 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12/09/2003 thay đổi lần thứ 12 ngày 16/06/2020 và Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán số 510/QĐ-ĐKHĐLK ngày 01/08/2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Quyền và nghĩa vụ của ngân hàng giám sát được quy định tại Điều lệ Quỹ và pháp luật liên quan.

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các thành viên của Ban đại diện Quỹ trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Kiều Phương Khoan	Chủ tịch - Thành viên độc lập
Ông Phạm Thiên Quang	Thành viên
Bà Phạm Thị Biều	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Quỹ.

QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG PVCOM

Tầng 9, Tòa nhà Hapro, Số 11B, Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, danh mục đầu tư, kết quả hoạt động, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty Quản lý Quỹ được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng đối với Công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Quỹ và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2024, cũng như kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với Quỹ mở và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

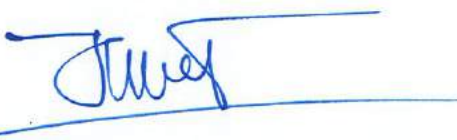
CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết rằng Quỹ tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 31 tháng 12 năm 2020 hướng dẫn về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo đó, chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm, trên cơ sở cam kết của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ. Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ Đầu tư Cân bằng PVCOM tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, cũng như kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với Quỹ mở và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ mở.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ



Kiều Phương Khoan

Chủ tịch

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2024

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

1 . THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

1.1 . Thông tin về Quỹ

Quỹ Đầu tư Cân bằng PVCOM (PBIF)

Loại hình Quỹ: Quỹ mở

1.2 . Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là tìm kiếm sự kết hợp tối ưu và linh hoạt giữa cổ phiếu và các tài sản có thu nhập cố định trên cơ sở đánh giá rủi ro và thu nhập của từng loại tài sản theo từng thời kỳ. Danh mục đầu tư của Quỹ tập trung vào các cổ phiếu của các doanh nghiệp có vốn hóa lớn, thanh khoản cao trên thị trường chứng khoán, các loại trái phiếu niêm yết (các loại trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu niêm yết của doanh nghiệp có uy tín, có xếp hạng tín nhiệm cao,...) và các tài sản khác phù hợp với quy định của pháp luật.

1.3 . Thời gian hoạt động của Quỹ

Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động

1.4 . Danh mục tham chiếu (benchmark portfolio)

Không có

1.5 . Chính sách phân chia lợi nhuận

Công ty Quản lý Quỹ được phân chia lợi nhuận của Quỹ cho nhà đầu tư theo quy định tại Điều lệ Quỹ và chính sách phân chia lợi nhuận đã được công bố tại bản cáo bạch. Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận để lại hoặc từ thu nhập của Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận khi Quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định; ngay sau khi trả hết số lợi nhuận đã định Quỹ vẫn phải đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn. Lịch trình và kế hoạch thực hiện phải được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ.

1.6 . Số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào quỹ là 136.374.675.200 VND tương đương với 13.637.467,52 chứng chỉ quỹ.

1.7 . Các nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong năm

Trong kỳ không có sự thay đổi tại Điều lệ Quỹ.

1.8 . Nội dung Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư trong kỳ báo cáo

Theo Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm 2024 số 01/2024/NQĐH - PBIF ngày 26/04/2024, các nội dung được thông qua như sau:

- Báo cáo kết quả hoạt động năm 2023 và Kế hoạch hoạt động năm 2024 của Quỹ PBIF;
- Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán của Quỹ PBIF;
- Phương án không phân phối lợi nhuận năm 2023 của Quỹ PBIF;
- Ủy quyền cho Công ty Quản lý Quỹ PVCB Capital lựa chọn, phê duyệt đơn vị kiểm toán cho các Báo cáo tài chính của Quỹ PBIF trong năm tài chính 2024.

1.9 . Ý kiến nhận xét của Ngân hàng giám sát

Công ty Quản lý Quỹ đã đáp ứng đúng các quy định tại Thông tư hướng dẫn thành lập và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán.

QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG PVCOM

Tầng 9, Tòa nhà Hapro, Số 11B, Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

2 . BÁO CÁO VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

2.1 . Danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của Quỹ tại thời điểm 30/06/2024

- Tỷ lệ danh mục đầu tư của Quỹ

Danh mục đầu tư	30/06/2024	30/06/2023	Quỹ chưa thành lập
Trái phiếu	28,11%	19,03%	-
Cổ phiếu	53,84%	33,06%	-
Chứng chỉ tiền gửi	5,95%	22,84%	-
Hợp đồng tiền gửi	-	12,69%	-
Tài sản khác	12,11%	12,38%	-
Tổng tài sản	100,00%	100,00%	-

- Các chỉ tiêu về giá trị tài sản ròng (NAV) và Giá trị ròng trên một đơn vị quỹ:

Nội dung	30/06/2024	30/06/2023	Quỹ chưa thành lập
Giá trị tài sản ròng (VND)	144.019.353.564	78.590.618.947	-
Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (VND/CCQ)	10.560,56	10.089,27	-
Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành trong kỳ báo cáo	13.637.467,52	7.789.523,15	-
Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cao nhất trong kỳ báo cáo (VND/CCQ)	11.519,00	10.105,91	-
Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ thấp nhất trong kỳ báo cáo (VND/CCQ)	10.416,88	9.992,71	-

- Tổng lợi nhuận của Quỹ:

Nội dung	30/06/2024	30/06/2023	Quỹ chưa thành lập
(1) Thu nhập ròng từ hoạt động đầu tư trong đó: (1.1+1.2+1.3)	863.507.750	68.956.332	-
1.1 Cổ tức, trái tức được nhận từ trái phiếu	2.414.225.980	162.794.521	-
1.2 Lãi được nhận từ CCTG và HĐTG	1.045.573.536	167.048.385	-
1.3 Chi phí	(2.596.291.766)	(260.886.574)	-
2. Lãi (lỗ) từ hoạt động đầu tư	1.779.874.208	621.780.000	-
3. Tổng lợi nhuận của Quỹ trước thuế	2.643.381.958	690.736.332	-

- Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị quỹ (giá trị thuần và giá trị gộp) trong kỳ: Không có;

- Thời điểm phân chia lợi nhuận : Không có;

- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trước và sau thời điểm phân chia lợi nhuận: Không có;

- Các chỉ tiêu về Tỷ lệ chi phí hoạt động, tốc độ vòng quay danh mục của quỹ và thuyết minh về việc chênh lệch (nếu có);

Chỉ tiêu	30/06/2024	30/06/2023	Quỹ chưa thành lập
Tỷ lệ chi phí hoạt động	4,05%	3,46%	-
Tốc độ vòng quay danh mục	571,75%	423,16%	-

QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG PVCOM

Tầng 9, Tòa nhà Hapro, Số 11B, Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

3.5 . Đánh giá biến động của thị trường trong kỳ báo cáo

Đánh giá biến động của các thị trường trong kỳ báo cáo, kể cả thị trường nước ngoài, mà quỹ đầu tư vào, thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với từng loại tài sản: Cổ phiếu, cổ phiếu blue-chip, cổ phiếu các công ty có mức vốn hóa thấp (small-cap);

Kinh tế vĩ mô

Trong bối cảnh kinh tế thế giới và trong nước còn nhiều khó khăn, bất định. Nỗ lực của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương trong nắm bắt tình hình, chủ động đưa ra các giải pháp ứng phó, linh hoạt, kịp thời, trọng tâm, trọng điểm trước các vấn đề phát sinh, điều hành tỷ giá hối đoái phù hợp; với sự đồng hành, phối hợp chặt chẽ của Quốc hội; đặc biệt, với sự năng động vượt khó của cộng đồng doanh nghiệp và các hộ kinh doanh là những yếu tố cơ bản dẫn tới kinh tế nước ta 6 tháng đầu năm 2024 phục hồi tích cực qua từng tháng trên hầu hết các lĩnh vực.

Trong 6 tháng đầu năm 2024, nền kinh tế ghi nhận tốc độ tăng trưởng GDP đạt 6,42% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,38%, đóng góp 5,96%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,51%, đóng góp 44,28%; khu vực dịch vụ tăng 6,64%, đóng góp 49,76%. Như vậy, khu vực dịch vụ là điểm sáng của nền kinh tế khi đóng góp chính vào tăng trưởng GDP của Việt Nam trong 6 tháng đầu năm nhờ nhu cầu nội địa tăng và khách quốc tế đến Việt Nam phục hồi mạnh mẽ.

Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu 6 tháng đầu năm 2024 ước đạt gần 368,53 tỷ USD, tăng 15,7% so với cùng kỳ năm trước; đáng chú ý, trong 6 tháng đầu năm nay, kim ngạch xuất khẩu bình quân đạt 31,68 tỷ USD/tháng.

Trong 6 tháng đầu năm 2024 có 119.612 doanh nghiệp gia nhập thị trường, có 110.316 doanh nghiệp rút khỏi thị trường. Bình quân một tháng trong 6 tháng đầu năm cả nước có 19.935 doanh nghiệp gia nhập thị trường, đồng thời cũng có 18.386 doanh nghiệp rút khỏi thị trường.

Chỉ số giá tiêu dùng tháng 6/2024 tăng 0,17% so với tháng trước, tăng 1,4% so với tháng 12/2023, tăng 4,34% so với cùng kỳ năm trước, lạm phát bình quân 6 tháng đầu năm 2024 được kiểm soát ở mức 4,08%; thúc đẩy tăng trưởng cả 3 khu vực; các cân đối lớn được bảo đảm, tạo cơ sở và niềm tin thực hiện thành công các mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội cả năm 2024 đã được Quốc hội thông qua.

Thị trường tiền tệ

Trong 6 tháng đầu năm 2024, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tiếp tục giữ nguyên các mức lãi suất điều hành nhằm tạo điều kiện cho TCTD tiếp cận nguồn vốn với chi phí thấp, điều hành hài hòa giữa lãi suất và tỷ giá phù hợp với tình hình thị trường, diễn biến kinh tế vĩ mô và mục tiêu chính sách tiền tệ; đồng thời chỉ đạo TCTD tiếp tục tiết giảm chi phí để giảm mặt bằng lãi suất cho vay.

Tính đến thời điểm tháng 06 năm 2024, lãi suất tiền gửi bình quân bằng đồng Việt Nam của ngân hàng thương mại (NHTM) trong nước ở mức 0,2%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng; 1,9%-2,8%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng; 4,8%-5,2%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng; 6%-6,9%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ trên 12 tháng đến 24 tháng và 6,9%-7,4%/năm đối với kỳ hạn trên 24 tháng.

Về thị trường chứng khoán ("TTCK"), nhằm duy trì sức hấp dẫn của TTCK với các nhà đầu tư và tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong huy động vốn cho doanh nghiệp niêm yết, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã kịp thời đưa ra các giải pháp để hỗ trợ thị trường phát triển bền vững, tăng khả năng chống chịu trước các biến động. Trong quý II/2024, TTCK đã có những khởi sắc nhất định.

Theo số liệu được công bố, tính đến cuối tháng 6/2024, chỉ số VN-Index đạt 1.245,32 điểm, tăng 10,2% so với cuối năm trước. Giá trị giao dịch bình quân phiên trên toàn thị trường cổ phiếu (HOSE, HNX, UPCOM) trong 6 tháng đạt 24.598 tỷ đồng/phiên, tăng 39,9% so với bình quân năm trước. Mức vốn hóa thị trường cổ phiếu tại ngày 28/6/2024 đạt hơn 7.066 nghìn tỷ đồng, tăng 19% so với cuối năm trước; tương đương 69,1% GDP ước tính năm 2023.

Trong 06 tháng đầu năm 2024, thị trường trái phiếu doanh nghiệp duy trì ổn định. Tính đến cuối tháng 6/2024, có 1.097 mã trái phiếu của 293 doanh nghiệp với giá trị đăng ký giao dịch đạt khoảng 784,3 nghìn tỷ đồng. Trong nửa đầu năm, có 41 doanh nghiệp đã phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ với khối lượng 110,2 nghìn tỷ đồng, trong đó tổ chức tín dụng chiếm 63,2%, doanh nghiệp bất động sản chiếm 28,6%.

QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG PVCOM

Tầng 9, Tòa nhà Hapro, Số 11B, Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

3.6 . Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ

Trong kỳ không có phát sinh việc chia, tách đơn vị quỹ

3.7 . Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ

Trong kỳ không có các sự kiện ảnh hưởng trọng yếu tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ.

3.8 . Các thông tin khác

Không có

4 . BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG ỦY QUYỀN

4.1 . Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ:

Tổng các chi phí ủy quyền trong giai đoạn tài chính sáu tháng đầu năm 2024	Giá trị
Tổng chi phí ủy quyền trong kỳ (VND)	293.784.716
Tổng chi phí ủy quyền/ Lợi nhuận (%)	11,11%
Tổng chi phí ủy quyền/Thu nhập ròng (%)	34,02%
Tổng chi phí ủy quyền/Tổng chi phí (%)	11,32%

4.2 . Các ảnh hưởng của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của Quỹ

Không có

4.3 . Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền

Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ): Ngân hàng BIDV - chi nhánh Hà Thành nhận ủy quyền cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ, Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam nhận ủy quyền cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng.

Tổng các chi phí ủy quyền trong giai đoạn tài chính sáu tháng đầu năm 2024	Giá trị (VND)
Phí lưu ký	94.684.716
Phí giám sát	33.000.000
Phí quản trị quỹ	99.000.000
Phí đại lý chuyển nhượng	67.100.000
Tổng cộng	293.784.716

4.4 . Đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ và cơ sở hạ tầng của bên nhận ủy quyền

Theo đánh giá của PVCB Capital, VSD và BIDV – chi nhánh Hà Thành đều là các đơn vị có uy tín, kinh nghiệm trên thị trường, với đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn cao, tính chuyên nghiệp trong quá trình cung cấp dịch vụ, có hệ thống phần mềm theo chuẩn quốc tế và các phòng, bộ phận chức năng được thiết lập và hoạt động độc lập. Vì vậy, khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, dự phòng thảm họa và các bên nhận ủy quyền cho quỹ PVBF được đảm bảo hoạt động thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư cũng như công ty quản lý quỹ.

Trên đây là báo cáo tổng kết hoạt động quản lý quỹ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024 của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (PVCB Capital).

Trần Quang Vinh
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Ngân
hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam



Trần Quang Vinh

Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2024

QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG PVCOM

Tầng 9, Tòa nhà Hapro, Số 11B, Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát Quỹ Đầu tư Cân bằng PVcom (Sau đây gọi là “Quỹ”) tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024. Với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024, Quỹ Đầu tư Cân bằng PVcom đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

a) Việc lưu ký tài sản của Quỹ đã tuân thủ theo quy định pháp luật chứng khoán hiện hành, các văn bản pháp luật có liên quan, Điều lệ Quỹ và Bản cáo bạch của Quỹ.

b) Việc tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan:

- Tại kỳ định giá xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ ngày 02/04/2024 và ngày 09/04/2024, tỷ lệ tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của quỹ vượt 40% tổng giá trị tài sản của quỹ, chưa đáp ứng quy định tại điểm e khoản 4 điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020. Từ kỳ định giá xác định giá trị tài sản ròng tại ngày 16/04/2024, tỷ lệ đầu tư nêu trên của Quỹ đã đảm bảo hạn mức tối đa 40% theo quy định tại điểm e Khoản 4 Điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC; và cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ đã được điều chỉnh trong thời hạn được phép theo quy định tại khoản 6 Điều 35, khoản 7 Điều 24 Thông tư 98/2020/TT-BTC.

c) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

d) Việc phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

e) Trong kỳ, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho Nhà đầu Tư.

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2024

Đại diện Ngân hàng giám sát



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Mạnh Cường

Nhân viên giám sát

PHÓ GIÁM ĐỐC
PHÒNG GIAO DỊCH VÀ DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN

Vũ Minh Hồng

Số: 120824.031/BCTC.KT2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Quý Nhà đầu tư và Ban đại diện**
Quỹ Đầu tư Cân Bằng PVCOM

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Quỹ Đầu tư Cân Bằng PVCOM được lập ngày 12 tháng 08 năm 2024, từ trang 12 đến trang 37, bao gồm: Báo cáo thu nhập giữa niên độ, Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ, Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ, Báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024 và Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty Quản lý quỹ

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam là Công ty Quản lý quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với Quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ mở và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ Đầu tư Cân bằng PVCOM tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo về các yêu cầu khác của pháp luật và các quy định

Trong 06 tháng đầu năm 2024, tại một số thời điểm tỷ lệ đầu tư của Quỹ Đầu tư Cân bằng PVCOM chưa đảm bảo tuân thủ các hạn chế đầu tư được quy định tại Điều lệ Quỹ và Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán. Các kỳ định giá chưa đảm bảo tuân thủ quy định về hạn chế đầu tư đã được Ngân hàng giám sát và Công ty quản lý quỹ PVCB Capital thực hiện thông báo và gửi báo cáo tới Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước để khắc phục. Tính đến thời điểm 30/06/2024, các tỷ lệ đầu tư của Quỹ đã đảm bảo tuân thủ theo quy định và pháp luật hiện hành.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Quỹ Đầu tư Cân bằng PVCOM cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho kỳ kế toán từ ngày 24 tháng 05 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023 đã được kiểm toán và soát xét bởi Kiểm toán viên và Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm toán và kết luận soát xét chấp nhận toàn phần tại Báo cáo kiểm toán số 13422683/E-67610083 ngày 28/03/2024 và Báo cáo soát xét giữa niên độ số 13422683/E-67610083-LR ngày 15/08/2023.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Nguyễn Tuấn Anh

Giám đốc kiểm toán

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1369-2023-002-1

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2024

QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG PVCOM

Tầng 9, Tòa nhà Hapro, Số 11B, Cát Linh,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội


Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

BÁO CÁO THU NHẬP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2024	Từ ngày 24/05/2023
			đến ngày 30/06/2024	đến ngày 30/06/2023
			VND	VND
01	I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		5.239.673.724	951.622.906
02	1.1 Cổ tức được chia		485.000.000	55.000.000
06	1.2 Trái tức được chia		1.929.225.980	107.794.521
03	1.3 Tiền lãi được nhận		1.045.573.536	167.048.385
04	1.4 Lãi, lỗ bán các khoản đầu tư	10	7.185.457.690	(217.990.000)
05	1.5 Chênh lệch tăng, giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	11	(5.405.583.482)	839.770.000
10	II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ		1.373.824.778	47.861.928
11	2.1 Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư		1.373.824.778	47.861.928
20	III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ	12	1.222.466.988	213.024.646
20.1	3.1 Phí quản lý quỹ mở		833.206.233	96.854.620
20.2	3.2 Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở		94.684.716	29.761.855
20.3	3.3 Phí dịch vụ giám sát		33.000.000	6.919.355
20.4	3.4 Phí dịch vụ quản trị quỹ mở		99.000.000	20.758.065
20.5	3.5 Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng		66.000.000	11.354.839
20.8	3.8 Chi phí kiểm toán		36.363.880	14.121.621
20.10	3.9 Chi phí hoạt động khác		60.212.159	33.254.291
23	IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		2.643.381.958	690.736.332
24	V. KẾT QUẢ THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC		-	-
24.1	5.1 Thu nhập khác		-	-
24.2	5.2 Chi phí khác		-	-
30	VI. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		2.643.381.958	690.736.332
31	5.1 Lợi nhuận đã thực hiện		8.048.965.440	(149.033.668)
32	5.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		(5.405.583.482)	839.770.000
40	VII CHI PHÍ THUẾ TNDN		-	-
41	VIII LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		2.643.381.958	690.736.332


Đỗ Thị Kim Cúc
 Người lập
 Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2024


Đỗ Thị Kim Cúc
 PP. Phụ trách phòng TCKT


Trần Quang Vinh
 Giám đốc

QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG PVCOM

Tầng 9, Tòa nhà Hapro, Số 11B, Cát Linh,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
100	I. TÀI SẢN			
110	1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	3	11.387.054.826	65.927.702.521
111	1.1. Tiền gửi ngân hàng		11.387.054.826	65.927.702.521
	1.1.1 Tiền gửi của nhà đầu tư cho hoạt động mua chứng chỉ quỹ/mua lại chứng chỉ quỹ		1.964.000.000	2.107.500.000
	1.1.2 Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở		9.423.054.826	63.820.202.521
120	2. Các khoản đầu tư thuần	4	133.052.407.925	55.311.889.856
121	2.1 Các khoản đầu tư		133.052.407.925	55.311.889.856
	2.1.1 Cổ phiếu		81.499.006.000	969.912.800
	2.1.2 Trái phiếu		42.553.401.925	31.404.532.467
	2.1.3 Chứng chỉ tiền gửi		9.000.000.000	22.937.444.589
130	3. Các khoản phải thu	5	6.941.111.985	2.613.876.712
131	3.1 Phải thu về bán các khoản đầu tư		4.164.975.000	-
133	3.2 Phải thu về dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư		2.776.136.985	2.613.876.712
136	3.2.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		2.776.136.985	2.613.876.712
100	TỔNG TÀI SẢN		151.380.574.736	123.853.469.089
Mã số	NGUỒN VỐN		30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
300	II. NỢ PHẢI TRẢ			
312	1. Phải trả về mua các khoản đầu tư	6	3.761.000.000	-
313	2. Phải trả cho các Đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ và Công ty quản lý quỹ		722.884.310	58.970.406
314	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		67.276.709	1.882.945
316	4. Chi phí phải trả		57.103.315	55.500.000
317	5. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ		1.964.000.000	2.107.500.000
318	6. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ quỹ		316.481.703	-
319	7. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở	7	472.475.135	1.082.580.000
300	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		7.361.221.172	3.306.433.351

QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG PVCOMTầng 9, Tòa nhà Hapro, Số 11B, Cát Linh,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
400	III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NẮM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ	8	144.019.353.564	120.547.035.738
411	1. Vốn góp của Nhà đầu tư		136.374.675.200	115.633.699.700
412	1.1 Vốn góp phát hành		219.621.574.500	138.841.883.300
413	1.2 Vốn góp mua lại		(83.246.899.300)	(23.208.183.600)
414	2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư		1.378.468.197	1.290.507.829
420	3. Lợi nhuận chưa phân phối	9	6.266.210.167	3.622.828.209
430	IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ		10.560,56	10.424,90
440	V. LỢI NHUẬN ĐÃ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ		-	-

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
004	1. Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành		13.637.467,52	11.563.369,97

Đỗ Thị Kim Cúc

Người lập

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2024

Đỗ Thị Kim Cúc

PP. Phụ trách phòng TCKT



Trần Quang Vinh

Giám đốc

QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG PVCOMTầng 9, Tòa nhà Hapro, Số 11B, Cát Linh,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

**BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG,
GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

STT	CHỈ TIÊU	Từ ngày 01/01/2024	Từ ngày 01/01/2023
		đến ngày 30/06/2024	đến ngày 30/06/2023
		VND	VND
I.	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở (NAV) đầu kỳ	120.547.035.738	-
II.	Thay đổi NAV trong kỳ	2.643.381.958	690.736.332
	Trong đó:		
II.1	Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ mở trong kỳ	2.643.381.958	690.736.332
III.	Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ (III=III.1-III.2)	20.828.935.868	77.899.882.615
III.1	Khoản thu từ việc phát hành bổ sung Chứng chỉ quỹ	88.115.883.500	98.331.408.000
III.2	Khoản thanh toán từ việc mua lại Chứng chỉ quỹ	(67.286.947.632)	(20.431.525.385)
IV.	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở cuối kỳ (IV= I+II+III)	144.019.353.564	78.590.618.947

Đỗ Thị Kim Cúc
Người lậpĐỗ Thị Kim Cúc
PP. Phụ trách phòng TCKTTrần Quang Vinh
Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2024

QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG PVCOMTầng 9, Tòa nhà Hapro, Số 11B, Cát Linh,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ GIỮA NIÊN ĐỘ*Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024*

STT	Loại	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 30/06/2024 (VND)	Tổng giá trị (VND)	Tỷ lệ trên Tổng giá trị tài sản hiện tại của Quỹ (%)
I.	Cổ phiếu niêm yết				
	Ngân hàng TMCP Á Châu - ACB	270.000	23.800,00	6.426.000.000	4,24%
	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát - HPG	100.000	28.300,00	2.830.000.000	1,87%
	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - MBB	290.000	22.200,00	6.438.000.000	4,25%
	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan - MSN	125.000	74.700,00	9.337.500.000	6,17%
	Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí - PVT	408.000	28.600,00	11.668.800.000	7,71%
	Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi - QNS	30.000	49.000,00	1.470.000.000	0,97%
	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng - VPB	405.000	18.650,00	7.553.250.000	4,99%
	Tổng Công ty Khí Việt Nam - GAS	50.000	76.600,00	3.830.000.000	2,53%
	Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel - VTP	712	83.000,00	59.096.000	0,04%
	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam - VNM	90.000	65.500,00	5.895.000.000	3,89%
	Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh - REE	120.000	62.600,00	7.512.000.000	4,96%
	Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc - KBC	190.000	29.000,00	5.510.000.000	3,64%
	Công ty Cổ phần Vincom Retail - VRE	110.000	20.450,00	2.249.500.000	1,49%
	Công ty Cổ phần CNG Việt Nam - CNG	53.600	32.600,00	1.747.360.000	1,15%
	Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam-VEA	130.000	44.300,00	5.759.000.000	3,80%
	Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - PVS	50.000	40.600,00	2.030.000.000	1,34%
	Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương - BWE	5.000	45.700,00	228.500.000	0,15%
	Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận - PNJ	10.000	95.500,00	955.000.000	0,63%
	Tổng cộng	2.437.312		81.499.006.000	53,84%

QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG PVCOMTầng 9, Tòa nhà Hapro, Số 11B, Cát Linh,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

STT	Loại	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 30/06/2024 (VND)	Tổng giá trị (VND)	Tỷ lệ trên Tổng giá trị tài sản hiện tại của Quỹ (%)
II.	Trái phiếu				
II.1	Trái phiếu niêm yết	270.006		34.553.401.899	22,83%
	Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam - BAF123020	80.000	101.841,40	8.147.312.279	5,38%
	Công ty Cổ phần Xây dựng Coteccons - CTD122015	6	1.007.863.258,50	6.047.179.551	3,99%
	Công ty Cổ phần Glaxhomes - GLH121026	70.000	100.953,62	7.066.753.151	4,67%
	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan - MSN123009	70.000	118.459,27	8.292.148.699	5,48%
	Công ty Cổ phần ROX Key Holdings - TN1122016	50.000	100.000,16	5.000.008.219	3,30%
II.2	Trái phiếu chưa niêm yết	80		8.000.000.026	5,28%
	Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa - SBTH2427001	80	100.000.000,33	8.000.000.026	5,28%
	Tổng cộng	270.086		42.553.401.925	28,11%
III.	Các tài sản khác				
	1. Dự thu lãi trái phiếu			1.536.246.574	1,01%
	2. Dự thu lãi tiền gửi và chứng chỉ quỹ			1.159.890.411	0,77%
	3. Cổ tức được nhận			80.000.000	0,05%
	4. Phải thu về bán các khoản đầu tư			4.164.975.000	2,75%
	Tổng cộng			6.941.111.985	4,59%
III.	Tiền				
	1. Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ			9.423.054.826	6,22%
	2. Tiền gửi của nhà đầu tư cho hoạt động mua chứng chỉ quỹ			1.964.000.000	1,30%
	3. Chứng chỉ tiền gửi			9.000.000.000	5,95%
	Tổng cộng			20.387.054.826	13,47%
IV.	Tổng giá trị danh mục			151.380.574.736	46,16%


Đỗ Thị Kim Cúc

Người lập

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2024


Đỗ Thị Kim Cúc

PP. Phụ trách phòng TCKT



Giám đốc

QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG PVCOM

Tầng 9, Tòa nhà Hapro, Số 11B, Cát Linh,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ ngày	Từ ngày
			01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	24/05/2023 đến ngày 30/06/2023
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
01	1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		2.643.381.958	690.736.332
02	2. Điều chỉnh cho các khoản tăng giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư		5.405.583.482	(839.770.000)
03	- (- Lãi) hoặc (+ lỗ) đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện		5.405.583.482	(839.770.000)
05	3. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động		8.048.965.440	(149.033.668)
06	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản đầu tư		(83.146.101.551)	(58.221.717.096)
07	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu bán chứng khoán đầu tư		(4.164.975.000)	(807.000.000)
08	- (-) Tăng, (+) giảm dự thu phải thu tiền lãi các khoản đầu tư		(162.260.273)	(768.273.972)
10	- (+) Tăng, (-) giảm phải trả cho người bán		3.761.000.000	-
11	- (+) Tăng, (-) giảm phải trả các Đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ		663.913.904	1.422.334
13	- (+) Tăng, (-) giảm Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		65.393.764	20.431.526
14	- (+) Tăng, (-) giảm phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ		(143.500.000)	1.000.000
15	- (+) Tăng, (-) giảm phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ quỹ		316.481.703	-
16	- (+) Tăng, (-) giảm phải trả, phải nộp khác		1.603.315	48.608.512
17	- (+) Tăng, (-) giảm Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở		(610.104.865)	154.994.456
19	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(75.369.583.563)	(59.719.567.908)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành Chứng chỉ quỹ		88.115.883.500	98.331.408.000
32	2. Tiền chi mua lại Chứng chỉ quỹ		(67.286.947.632)	(20.431.525.385)
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		20.828.935.868	77.899.882.615
40	III TĂNG GIẢM TIỀN THUẦN TRONG KỲ		(54.540.647.695)	18.180.314.707
IV. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ				
51	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:		65.927.702.521	-
52	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở		63.820.202.521	-
53	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ		2.107.500.000	-
55	V. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ		11.387.054.826	18.180.314.707
56	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:	3	11.387.054.826	18.180.314.707
57	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở		9.423.054.826	8.179.314.707
58	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ		1.964.000.000	1.000.000
59	- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng		-	10.000.000.000
60	VI. CHÊNH LỆCH TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TRONG KỲ		(54.540.647.695)	18.180.314.707

Đấu

Đỗ Thị Kim Cúc

Người lập

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2024

Đấu

Đỗ Thị Kim Cúc

PP. Phụ trách phòng TCKT



Trần Quang Vinh

Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1.1 . Thông tin về Quỹ

Quỹ Đầu tư Cân bằng PVCOM được thành lập ngày 24 tháng 05 năm 2023 dưới hình thức Quỹ mở theo Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 29 tháng 11 năm 2019 và các văn bản pháp luật có liên quan. Quỹ được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký đại chúng số 67/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCK") cấp ngày 24 tháng 05 năm 2023. Theo đó, Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ tại: Tầng 9, Tòa nhà Hapro, Số 11B, Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào quỹ là 136.374.675.200 VND tương đương với 13.637.467,52 chứng chỉ quỹ.

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ được ban hành ngày 24 tháng 05 năm 2023.

1.2 . Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là tìm kiếm sự kết hợp tối ưu và linh hoạt giữa cổ phiếu và các tài sản có thu nhập cố định trên cơ sở đánh giá rủi ro và thu nhập của từng loại tài sản theo từng thời kỳ. Danh mục đầu tư của Quỹ tập trung vào các cổ phiếu của các doanh nghiệp có vốn hóa lớn, thanh khoản cao trên thị trường chứng khoán, các loại trái phiếu niêm yết (các loại trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu niêm yết của doanh nghiệp có uy tín, có xếp hạng tín nhiệm cao,...) và các tài sản khác phù hợp với quy định của pháp luật.

1.3 . Kỳ tính giá trị tài sản ròng

Ngày định giá

Ngày định giá là ngày xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ. Giá trị tài sản ròng được xác định hàng tuần và cuối tháng. Ngày giao dịch/ngày định giá được xác định là thứ Tư hàng tuần. Trong trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì ngày định giá là ngày làm việc tiếp theo liền sau đó. Đối với kỳ định giá hàng tháng, ngày định giá là ngày đầu tiên của tháng tiếp theo và không thay đổi kể cả trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ.

Xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

Giá trị tài sản ròng của Quỹ phải được xác định định kỳ vào ngày giao dịch Chứng chỉ quỹ được quy định tại Điều lệ Quỹ và phải được công bố công khai theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Giá trị tài sản ròng cho mỗi Đơn vị quỹ bằng Giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số Đơn vị Quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng là tổng giá trị của các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ tại ngày gần nhất trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng cho mỗi đơn vị Quỹ được tính cho mỗi ngày giao dịch của Quỹ sẽ được làm tròn đến xuống hai (02) chữ số thập phân.

QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG PVCOM

Tầng 9, Tòa nhà Hapro, Số 11B, Cát Linh,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

1.4 . Tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ

Tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ Nhà đầu tư có thể mua, bán, chuyển đổi chứng chỉ quỹ định kỳ vào ngày thứ Tư hàng tuần ("Ngày giao dịch"). Trong trường hợp ngày giao dịch chứng chỉ quỹ định kỳ nêu trên trùng vào các ngày nghỉ lễ, kể cả ngày nghỉ bù, làm bù theo quy định của pháp luật thì ngày giao dịch đó sẽ được chuyển sang ngày làm việc kế tiếp hoặc ngày khác (nếu ngày kế tiếp vẫn là ngày nghỉ lễ) theo thông báo của Công ty Quản lý Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ sẽ thông báo về ngày giao dịch bù này trước ít nhất hai (02) tuần trên trang web của Công ty Quản lý Quỹ.

Việc tăng/giảm tần suất giao dịch sẽ được Công ty Quản lý Quỹ thông báo công khai tại bản cáo bạch, thông báo cho Ngân hàng Giám sát và công bố thông tin theo quy định của pháp luật. Việc tăng/giảm tần suất này sẽ được báo cáo Đại hội Nhà đầu tư gần nhất kế tiếp và cập nhật trong Điều lệ của Quỹ.

Việc tăng/giảm tần suất giao dịch sẽ được Đại hội Nhà đầu tư gần nhất thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không được ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng.

1.5 . Hạn chế đầu tư

Thông tin về hạn chế đầu tư đã được trình bày đầy đủ tại Bản cáo bạch và Điều lệ hoạt động của Quỹ.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI QUỸ

2.1 . Kỳ kế toán sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Quỹ bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.2 . Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.3 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ được lập theo chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với Quỹ mở được quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ mở, Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

Theo Thông tư 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập giữa niên độ
2. Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ
4. Báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ
6. Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Quỹ đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ khẳng định rằng báo cáo tài chính này tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

Hình thức kế toán áp dụng

Quỹ áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ, tiền gửi của Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ chờ phân bổ, tiền gửi phong tỏa và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng có thời hạn đáo hạn không quá ba (3) tháng kể từ ngày gửi và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là mục đích khác.

2.5 . Các khoản đầu tư

Quỹ đầu tư vào các chứng khoán chưa niêm yết và đã niêm yết với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm chi phí mua và không bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được khoản đầu tư. Các chi phí phát sinh này được hạch toán vào báo cáo thu nhập.

Đối với khoản đầu tư vào trái phiếu và tiền gửi ngân hàng, phần lãi dự thu chưa được thanh toán tính đến ngày mua được ghi nhận, tách biệt khỏi giá gốc, trên khoản mục "dự thu cổ tức, lãi tiền gửi chưa đến ngày nhận" trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ.

Cổ phiếu thường và cổ tức chia bằng cổ phiếu được hạch toán vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0) và được đánh giá lại theo giá trị của các cổ phiếu đó vào ngày lập báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ.

Ghi nhận tiếp theo

Các khoản đầu tư được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư" trên Báo cáo tình hình tài chính theo nguyên tắc sau:

- Chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng được ghi nhận theo giá trị hợp lý;
- Chứng khoán niêm yết, chưa niêm yết và các tài sản khác được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản này.

Lợi nhuận thuần nhận được từ các khoản đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập giữa niên độ

Định giá lại cho mục đích xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

Các khoản đầu tư được đánh giá lại vào các ngày định giá theo giá trị hợp lý. Các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập. Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư được quy định trong sổ tay định giá được xây dựng phù hợp với phương pháp xác định giá trị tài sản quy định tại điều lệ Quỹ và thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 và được Ban đại diện Quỹ phê duyệt.

Nguyên tắc định giá

Các khoản đầu tư Quỹ hiện đang nắm giữ được định giá theo các nguyên tắc và phương pháp quy định tại Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và Điều lệ, Bản cáo bạch và Sổ tay định giá của Quỹ.

Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư chứng khoán được chấm dứt khi quyền được ghi nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã không còn nắm giữ phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Giá vốn của chứng khoán kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

2.6 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ hoạt động bán chứng khoán, lãi trái phiếu, lãi tiền gửi Ngân hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Quỹ dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí hoạt động của Quỹ trên báo cáo thu nhập.

2.7 . Các khoản phải trả

Các khoản phải trả được trình bày trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ theo giá gốc của các khoản phải trả cho hoạt động mua lại chứng chỉ quỹ, phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải trả thù lao ban đại diện quỹ, phải trả cho Công ty Quản lý quỹ, ngân hàng giám sát và các khoản phải trả khác.

2.8 . Vốn chủ sở hữu*Vốn chủ sở hữu*

Các chứng chỉ quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại thành vốn góp của Nhà đầu tư, trong đó bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp mua lại.

Vốn góp phát hành

Vốn góp phát hành phản ánh nguồn vốn đầu tư của Quỹ do các nhà đầu tư góp vốn vào Quỹ theo phương thức mua chứng chỉ quỹ trong lần phát hành lần đầu ra công chúng và các lần giao dịch chứng chỉ quỹ sau khi quỹ thành lập.

Vốn góp phát hành được phản ánh theo mệnh giá.

Vốn góp mua lại

Vốn góp mua lại phản ánh tình hình mua lại chứng chỉ quỹ của các Nhà đầu tư tại các kỳ giao dịch chứng chỉ quỹ sau khi Quỹ thành lập.

Vốn góp mua lại được phản ánh theo mệnh giá.

Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư

Thặng dư vốn thể hiện chênh lệch giữa giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ và mệnh giá đối với các chứng chỉ quỹ được phát hành/ mua lại.

Thặng dư vốn bao gồm: Thặng dư vốn phát hành và thặng dư vốn mua lại

- Thặng dư vốn phát hành là chênh lệch giữa giá phát hành chứng chỉ quỹ và mệnh giá. Thặng dư vốn góp không phát sinh ở lần đầu phát hành chứng chỉ quỹ

- Thặng dư vốn mua lại là chênh lệch giữa giá đơn vị Quỹ mua lại và mệnh giá.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh lãi/lỗ chưa phân phối tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu, sau khi loại trừ phần chênh lệch tăng, giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện với tổng các khoản chi phí của Quỹ lũy kế phát sinh trong kỳ.

Lợi nhuận chưa thực hiện là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ lũy kế phát sinh trong kỳ.

Cuối kỳ kế toán, Quỹ xác định lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện trong năm và ghi nhận vào "Lợi nhuận chưa phân phối".

Lợi nhuận phân phối cho Nhà Đầu tư

Quỹ ghi nhận lợi nhuận/ tài sản phân phối cho Nhà Đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội nhà Đầu tư, phù hợp với Điều lệ quỹ và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG PVCOM

Tầng 9, Tòa nhà Hapro, Số 11B, Cát Linh,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

2.9 . Giá trị tài sản ròng của Quỹ và giá đơn vị quỹ

Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ được xác định bằng tổng giá trị tài sản trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ. Tổng giá trị tài sản của Quỹ được xác định theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản của Quỹ (trong trường hợp không xác định được giá trị thị trường). Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày định giá.

Phương pháp xác định giá thị trường, giá trị hợp lý các tài sản trong danh mục, giá trị các khoản nợ và nghĩa vụ thanh toán thực hiện theo nguyên tắc như nêu trên.

Giá trị đơn vị quỹ

Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ bằng giá trị tài sản ròng trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ của Quỹ chia cho tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ và được làm tròn xuống đến 02 số thập phân.

2.10 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế mà giá trị có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Tiền lãi (bao gồm lãi tiền gửi, lãi chứng chỉ tiền gửi và lãi trái phiếu)

Tiền lãi được ghi nhận là doanh thu trên cơ sở dồn tích có tính lãi đầu tư thực tế của tài sản trừ đi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản cổ tức của Quỹ với tư cách là cổ đông được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thưởng nhận được không được ghi nhận là thu nhập của Quỹ mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu theo đối ngoại bằng.

Lãi từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong Báo cáo thu nhập khi nhận được thông báo giao dịch từ các Công ty chứng khoán và Ngân hàng giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

2.11 . Các khoản chi phí

Các khoản chi phí được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Quỹ phát sinh một số chi phí chủ yếu bao gồm:

Giá dịch vụ quản lý trả cho Công ty quản lý quỹ

Giá dịch vụ quản lý là 1,3%/năm tính trên tổng giá trị Tài sản ròng của Quỹ vào ngày định giá, được ghi nhận vào chi phí của Quỹ vào ngày định giá, và được trả sau cho Công ty Quản lý Quỹ trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc tháng để thực hiện các dịch vụ quản lý quỹ đầu tư cho Quỹ. Giá dịch vụ quản lý được tính theo công thức như sau:

Giá dịch vụ quản lý = 1,3% * Giá trị Tài sản Ròng tại ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá / Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366).

Trường hợp tăng Giá dịch vụ quản lý phải được Đại hội Nhà đầu tư thông qua. Trong mọi trường hợp, tổng số giá dịch vụ quản lý, giá dịch vụ quản trị quỹ và giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng không vượt quá mức tối đa 2%/năm theo quy định của pháp luật hiện hành.

QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG PVCOM

Tầng 9, Tòa nhà Hapro, Số 11B, Cát Linh,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Giá dịch vụ ngân hàng giám sát

Giá dịch vụ ngân hàng giám sát là 0,02%/năm trên Tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 5.000.000 VNĐ (Năm triệu đồng) một tháng. Giá dịch vụ ngân hàng giám sát được tính toán và cộng dồn hàng kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho ngân hàng giám sát. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Giá dịch vụ ngân hàng giám sát = 0,02% * Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá/ Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)

Giá dịch vụ lưu ký

Giá dịch vụ lưu ký là 0,05%/năm trên Tổng giá trị tài sản ròng với mức tối thiểu là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) một tháng. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Giá dịch vụ lưu ký = 0,05% * Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá/ Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)

Giá dịch vụ lưu ký, chưa bao gồm giá dịch vụ xử lý giao dịch cho các giao dịch chứng khoán và giá dịch vụ trả cho Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam (chi phí bên thứ ba).

Giá dịch vụ quản trị quỹ

Giá dịch vụ quản trị Quỹ là 0,03%/năm trên Giá trị tài sản ròng với mức tối thiểu là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) một tháng. Giá dịch vụ quản trị Quỹ được tính toán và cộng dồn hàng kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho bên cung cấp dịch vụ quản trị quỹ. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Giá dịch vụ quản trị quỹ được tính theo công thức như sau:

Giá dịch vụ quản trị quỹ = 0,03% * Giá trị Tài sản Ròng tại ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá/ Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366).

Giá dịch vụ soạn thảo báo cáo tài chính sẽ là 5.875.000 VNĐ/tháng (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) và áp dụng từ ngày quỹ bắt đầu giao dịch theo tuần suất hàng ngày.

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng

STT	Loại phí	Mức giá dịch vụ (không bao gồm thuế GTGT)
1	Giá dịch vụ cố định hàng tháng	10.000.000 VNĐ/tháng
2	Giá dịch vụ thiết lập, duy trì thông tin	Miễn phí
3	Giá dịch vụ kết nối	Miễn phí
4	Giá dịch vụ cung cấp thông tin	Miễn phí
5	Giá dịch vụ thực ực hiện quyền	
	- Lập danh sách thực hiện quyền	1.000.000 VNĐ/lần lập danh sách
	- Phân phối cổ tức	Miễn phí

Phí kiểm toán

Phí kiểm toán phụ thuộc vào kết quả lựa chọn và thương lượng với công ty kiểm toán và sẽ được xác định hàng năm vào cuối năm tài chính của Quỹ

Chi phí khác

Chi phí khác được pháp luật cho phép

QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG PVCOM

Tầng 9, Tòa nhà Hapro, Số 11B, Cát Linh,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

2.12 . Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ

Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính theo định nghĩa trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ mở được trình bày trong thuyết minh tương ứng của báo cáo tài chính giữa niên độ này.

2.13 . Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ mở không được thể hiện trong Báo cáo tài chính giữa niên độ thì được hiểu là có số dư bằng không.

2.14 . Thuế

Theo các quy định hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư

Khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân sửa đổi với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về thuế; Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014; Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 8 năm 2014; Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính; Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư. Theo đó, khi Quỹ trả cổ tức cho các nhà đầu tư là tổ chức, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% số cổ tức được chi trả (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối mà đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật). Đồng thời, khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư là cá nhân, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% số cổ tức chi trả.

Giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ

Công ty Quản lý Quỹ cũng có nghĩa vụ khấu trừ và nộp thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo quy định về quản lý ngoại hối. Mức thuế áp dụng là thuế cho việc chuyển nhượng chứng khoán bằng 0,1% trên giá trị chuyển nhượng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014, Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 và Thông tư 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 do Bộ Tài chính ban hành.

Công ty Quản lý Quỹ không giữ lại tiền thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước do đó tổ chức trong nước tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập phát sinh từ giao dịch mua lại này.

QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG PVCOM

Tầng 9, Tòa nhà Hapro, Số 11B, Cát Linh,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

2.15 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Quỹ hoặc chịu sự kiểm soát của Quỹ, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Quỹ, bao gồm cả công ty quản lý quỹ và các quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của công ty quản lý quỹ;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Quỹ mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Quỹ, những nhân sự quản lý chủ chốt của Quỹ, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Quỹ cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
Tiền gửi của nhà đầu tư cho hoạt động mua chứng chỉ quỹ/mua lại chứng chỉ quỹ	1.964.000.000	2.107.500.000
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở	9.423.054.826	63.820.202.521
	<u>11.387.054.826</u>	<u>65.927.702.521</u>

QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG PVCOM

Tầng 9, Tòa nhà Hapro, Số 11B, Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ THUẢN

	Giá mua	Giá thị trường hoặc giá trị hợp lý cuối kỳ	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị đánh giá lại
			Chênh lệch đánh giá tăng	Chênh lệch đánh giá giảm	
			VND	VND	
Tại ngày 30/06/2024					
I. Cổ phiếu niêm yết	82.383.090.522	81.499.006.000	1.340.238.940	(2.224.323.462)	81.499.006.000
1 Ngân hàng TMCP Á Châu - ACB	6.602.134.797	6.426.000.000	-	(176.134.797)	6.426.000.000
2 Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát - HPG	2.925.000.000	2.830.000.000	-	(95.000.000)	2.830.000.000
3 Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - MBB	6.743.413.718	6.438.000.000	-	(305.413.718)	6.438.000.000
4 Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan - MSN	9.324.295.512	9.337.500.000	13.204.488	-	9.337.500.000
5 Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí - PVT	11.045.126.324	11.668.800.000	623.673.676	-	11.668.800.000
6 Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi - QNS	1.508.530.000	1.470.000.000	-	(38.530.000)	1.470.000.000
7 Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng - VPB	7.498.919.312	7.553.250.000	54.330.688	-	7.553.250.000
8 Tổng Công ty Khí Việt Nam - GAS	4.068.333.334	3.830.000.000	-	(238.333.334)	3.830.000.000
9 Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel - VTP	33.907.159	59.096.000	25.188.841	-	59.096.000
10 Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam - VNM	6.232.785.730	5.895.000.000	-	(337.785.730)	5.895.000.000
11 Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh - REE	6.898.158.753	7.512.000.000	613.841.247	-	7.512.000.000
12 Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc - KBC	6.031.980.000	5.510.000.000	-	(521.980.000)	5.510.000.000
13 Công ty Cổ phần Vincom Retail - VRE	2.343.794.172	2.249.500.000	-	(94.294.172)	2.249.500.000
14 Công ty Cổ phần CNG Việt Nam - CNG	1.756.467.533	1.747.360.000	-	(9.107.533)	1.747.360.000
15 Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam-VEA	6.065.244.178	5.759.000.000	-	(306.244.178)	5.759.000.000
16 Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - PVS	2.129.000.000	2.030.000.000	-	(99.000.000)	2.030.000.000
17 Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương - BWE	231.000.000	228.500.000	-	(2.500.000)	228.500.000
18 Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận - PNJ	945.000.000	955.000.000	10.000.000	-	955.000.000

QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG PVCOM

Tầng 9, Tòa nhà Hapro, Số 11B, Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ THUẢN

	Giá mua	Giá thị trường hoặc giá trị hợp lý cuối kỳ	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị đánh giá lại
			Chênh lệch đánh giá tăng	Chênh lệch đánh giá giảm	
			VND	VND	
II. Trái phiếu	46.702.759.245	42.553.401.925	48.285.195	(4.197.642.515)	42.553.401.925
II.1 Trái phiếu niêm yết	38.702.759.219	34.553.401.899	48.285.195	(4.197.642.515)	34.553.401.899
1 Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam - BAF123020 ⁽¹⁾	12.071.477.260	8.147.312.279	-	(3.924.164.981)	8.147.312.279
2 Công ty Cổ phần Xây dựng Coteccons - CTD122015 ⁽²⁾	5.998.894.356	6.047.179.551	48.285.195	-	6.047.179.551
3 Công ty Cổ phần Glexhomes - GLH121026 ⁽³⁾	7.138.600.548	7.066.753.151	-	(71.847.397)	7.066.753.151
4 Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan - MSN123009 ⁽⁴⁾	8.292.148.699	8.292.148.699	-	-	8.292.148.699
5 Công ty Cổ phần ROX Key Holdings - TN1122016 ⁽⁵⁾	5.201.638.356	5.000.008.219	-	(201.630.137)	5.000.008.219
II.2 Trái phiếu chưa niêm yết	8.000.000.026	8.000.000.026	-	-	8.000.000.026
1 Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa - SBTH2427001 ⁽⁶⁾	8.000.000.026	8.000.000.026	-	-	8.000.000.026
III. Đầu tư ngắn hạn khác	9.000.000.000	9.000.000.000	-	-	9.000.000.000
1 Chứng chỉ tiền gửi - SHBFC010623	9.000.000.000	9.000.000.000	-	-	9.000.000.000
	138.085.849.767	133.052.407.925	1.388.524.135	(6.421.965.977)	133.052.407.925

Thông tin về các khoản đầu tư thuần tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2024 như sau:

- (1) - Trái phiếu niêm yết do Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam phát hành có kỳ hạn 03 năm từ ngày 05/10/2023, trả lãi 06 tháng/lần.
- (2) - Trái phiếu niêm yết do Công ty Cổ phần Xây dựng Coteccons phát hành có kỳ hạn 03 năm từ ngày 27/04/2022, trả lãi 06 tháng/lần.
- (3) - Trái phiếu niêm yết do Công ty Cổ phần Glexhomes phát hành có kỳ hạn 03 năm từ ngày 20/10/2021, trả lãi 06 tháng/lần.
- (4) - Trái phiếu niêm yết do Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan phát hành có kỳ hạn 05 năm từ ngày 12/04/2023, trả lãi 06 tháng/lần.
- (5) - Trái phiếu niêm yết do Công ty Cổ phần ROX Key Holdings phát hành có kỳ hạn 03 năm từ ngày 26/05/2022, trả lãi 06 tháng/lần.
- (6) - Trái phiếu chưa niêm yết do Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa phát hành có kỳ hạn 03 năm từ ngày 21/03/2024, trả lãi 06 tháng/lần.

QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG PVCOM

Tầng 9, Tòa nhà Hapro, Số 11B, Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ THUẢN

	Giá mua	Giá thị trường hoặc giá trị hợp lý cuối kỳ	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị đánh giá lại
			Chênh lệch đánh giá tăng	Chênh lệch đánh giá giảm	
VND	VND	VND	VND	VND	
Tại ngày 01/01/2024					
I. Cổ phiếu niêm yết	969.308.038	969.912.800	62.271.155	(61.666.393)	969.912.800
1 Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí - PVT	434.742.941	396.000.000	-	(38.742.941)	396.000.000
2 Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel - VTP	214.923.452	192.000.000	-	(22.923.452)	192.000.000
3 Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng - VPB	319.641.645	381.912.800	62.271.155	-	381.912.800
II. Trái phiếu niêm yết	31.032.995.589	31.404.532.467	581.384.994	(209.848.116)	31.404.532.467
1 Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam - BAF123020	6.692.211.918	6.998.669.041	306.457.123	-	6.998.669.041
2 Công ty Cổ phần Xây dựng Coteccons - CTD122015	5.998.894.356	5.998.894.356	-	-	5.998.894.356
3 Công ty Cổ phần Glaxohomes - GLH121026	7.138.600.548	7.410.271.981	271.671.433	-	7.410.271.981
4 Công ty Cổ phần ROX Key Holdings - TN1122016	5.201.638.356	4.991.790.240	-	(209.848.116)	4.991.790.240
5 Công ty Cổ phần CMC - CVT122007	6.001.650.411	6.004.906.849	3.256.438	-	6.004.906.849
III. Đầu tư ngắn hạn khác	22.937.444.589	22.937.444.589	-	-	22.937.444.589
1 Chứng chỉ tiền gửi - CCTG/FE202302	9.000.000.000	9.000.000.000	-	-	9.000.000.000
2 Chứng chỉ tiền gửi - CCTG.SHBFC050623	9.000.000.000	9.000.000.000	-	-	9.000.000.000
3 Chứng chỉ tiền gửi - CCTG.SHBFC200723	4.937.444.589	4.937.444.589	-	-	4.937.444.589
	54.939.748.216	55.311.889.856	643.656.149	(271.514.509)	55.311.889.856

QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG PVCOM

Tầng 9, Tòa nhà Hapro, Số 11B, Cát Linh,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Phải thu cổ tức được nhận	80.000.000	-
Dự thu tiền lãi - Trái phiếu niêm yết phát sinh trong kỳ	1.164.958.903	1.148.397.260
Dự thu tiền lãi - Trái phiếu chưa niêm yết phát sinh trong kỳ	371.287.671	-
Dự thu lãi tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi, giấy tờ có giá	1.159.890.411	1.465.479.452
Phải thu về bán các khoản đầu tư 02 ngày cuối cùng	4.164.975.000	-
	6.941.111.985	2.613.876.712

6 . PHẢI TRẢ VỀ MUA CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Phải trả về mua các khoản đầu tư 02 ngày cuối cùng	3.761.000.000	-
	3.761.000.000	-

7 . PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ MỞ

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Phải trả phí dịch vụ quản lý Quỹ mở	423.787.730	799.265.598
Phải trả phí dịch vụ lưu ký tài sản	15.687.405	112.636.982
Phải trả phí dịch vụ giám sát	5.500.000	39.919.355
Phải trả phí dịch vụ quản trị Quỹ	16.500.000	119.758.065
Phải trả phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng	11.000.000	11.000.000
	472.475.135	1.082.580.000

8 . TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Biến động vốn góp trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 như sau:

	Đơn vị	01/01/2024 VND	Phát sinh trong kỳ VND	30/06/2024 VND
Vốn góp phát hành				
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	CCQ	13.884.188,33	8.077.969,12	21.962.157,45
Giá trị tài sản ròng bình quân	VND	10.100,45	10.908,17	10.397,54
Giá trị ghi theo mệnh giá	VND	138.841.883.300	80.779.691.200	219.621.574.500
Thặng dư vốn	VND	1.394.612.148	7.336.192.300	8.730.804.448
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ	VND	140.236.495.448	88.115.883.500	228.352.378.948
Vốn góp mua lại				
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	CCQ	(2.320.818,36)	(6.003.871,57)	(8.324.689,93)
Giá trị tài sản ròng bình quân	VND	10.044,86	11.207,26	10.883,20
Giá trị ghi theo mệnh giá	VND	(23.208.183.600)	(60.038.715.700)	(83.246.899.300)
Thặng dư vốn	VND	(104.104.319)	(7.248.231.932)	(7.352.336.251)
Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ	VND	(23.312.287.919)	(67.286.947.632)	(90.599.235.551)
Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành	CCQ	11.563.369,97	2.074.097,55	13.637.467,52
Giá trị vốn góp hiện hành	VND	116.924.207.529	20.828.935.868	137.753.143.397
Lợi nhuận chưa phân phối	VND	3.622.828.209	2.643.381.958	6.266.210.167
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	VND	120.547.035.738		144.019.353.564
Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ	VND/ CCQ	10.424,90		10.560,56

QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG PVCOM

Tầng 9, Tòa nhà Hapro, Số 11B, Cát Linh,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

Biến động vốn góp trong kỳ kế toán từ ngày 24/05/2023 đến ngày 30/06/2023 như sau:

	Đơn vị	24/05/2023 VND	Phát sinh trong kỳ VND	30/06/2023 VND
Vốn góp phát hành				
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	CCQ	-	9.831.022,15	9.831.022,15
Giá trị tài sản ròng bình quân	VND	-	10.002,16	10.002,16
Giá trị ghi theo mệnh giá	VND	-	98.310.221.500	98.310.221.500
Thặng dư vốn	VND	-	21.186.500	21.186.500
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ		-	98.331.408.000	98.331.408.000
Vốn góp mua lại				
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	CCQ	-	(2.041.499,00)	(2.041.499,00)
Giá trị tài sản ròng bình quân	VND	-	10.008,10	10.008,10
Giá trị ghi theo mệnh giá	VND	-	(20.414.990.000)	(20.414.990.000)
Thặng dư vốn	VND	-	(16.535.385)	(16.535.385)
Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ	VND	-	(20.431.525.385)	(20.431.525.385)
Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành	CCQ	-	7.789.523	7.789.523
Giá trị vốn góp hiện hành	VND	-	77.899.882.615	77.899.882.615
Lợi nhuận chưa phân phối	VND	-	690.736.332	690.736.332
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	VND	-	-	78.590.618.947
Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ	VND/ CCQ	-	-	10.089,27
9 . LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI				
			30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Lợi nhuận chưa phân phối đầu kỳ			3.622.828.209	-
Lợi nhuận thuần trong kỳ			2.643.381.958	3.622.828.209
- Lợi nhuận đã thực hiện			8.048.965.440	3.250.686.569
- Lợi nhuận chưa thực hiện			(5.405.583.482)	372.141.640
			6.266.210.167	3.622.828.209

QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG PVCOM

Tầng 9, Tòa nhà Hapro, Số 11B, Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

10 LÃI, LỖ BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Tổng giá trị bán trong kỳ	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi/lỗ bán chứng khoán trong kỳ	Lãi/lỗ bán chứng khoán từ kỳ trước
	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	213.731.780.000	211.857.207.516	1.874.572.484	(217.990.000)
Trái phiếu niêm yết	108.656.650.686	103.408.320.891	5.248.329.795	-
Chứng chỉ tiền gửi	14.000.000.000	13.937.444.589	62.555.411	-
	336.388.430.686	329.202.972.996	7.185.457.690	(217.990.000)

11 CHÊNH LỆCH TĂNG, GIẢM ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ CHƯA THỰC HIỆN

	Giá trị mua theo sổ kế toán	Giá trị hợp lý	Số dư chênh lệch theo đánh giá lại cuối kỳ	Số dư chênh lệch đánh giá lại đầu kỳ	Chênh lệch điều chỉnh sổ kế toán trong kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	82.383.090.522	81.499.006.000	(884.084.522)	604.762	(884.689.284)
Trái phiếu	46.702.759.245	42.553.401.925	(4.149.357.320)	371.536.878	(4.520.894.198)
Chứng chỉ tiền gửi	9.000.000.000	9.000.000.000	-	-	-
	138.085.849.767	133.052.407.925	(5.033.441.842)	372.141.640	(5.405.583.482)

QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG PVCOMTầng 9, Tòa nhà Hapro, Số 11B, Cát Linh,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

12 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ

	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Từ ngày 24/05/2023 đến ngày 30/06/2023
	VND	VND
Phí quản lý quỹ mở	833.206.233	96.854.620
Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở	94.684.716	29.761.855
Phí dịch vụ giám sát	33.000.000	6.919.355
Phí dịch vụ quản trị quỹ mở	99.000.000	20.758.065
Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng	66.000.000	11.354.839
Chi phí kiểm toán	36.363.880	14.121.621
Chi phí hoạt động khác	60.212.159	33.254.291
	1.222.466.988	213.024.646

13 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Quỹ bao gồm:

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	11.387.054.826	11.387.054.826	65.927.702.521	65.927.702.521
Các khoản đầu tư thuần	138.085.849.767	133.052.407.925	54.939.748.216	55.311.889.856
Các khoản phải thu	6.941.111.985	6.941.111.985	2.613.876.712	2.613.876.712
	156.414.016.578	151.380.574.736	123.481.327.449	123.853.469.089
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả về mua các khoản đầu tư	3.761.000.000	3.761.000.000	-	-
Phải trả chi phí về quản lý quỹ mở	1.195.359.445	1.195.359.445	1.141.550.406	1.141.550.406
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua, mua lại Chứng chỉ quỹ	2.280.481.703	2.280.481.703	2.107.500.000	2.107.500.000
Chi phí phải trả và phải trả, phải nộp khác	57.103.315	57.103.315	55.500.000	55.500.000
	7.293.944.463	7.293.944.463	3.304.550.406	3.304.550.406

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Quỹ bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Quỹ đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Công ty Quản lý Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Đối với các tài sản là tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi, rủi ro này là không có do giá trị và dòng tiền từ tài sản không bị thay đổi bởi các yếu tố thị trường.

Đối với trái phiếu có lãi suất cố định, mặc dù biến động của lãi suất thị trường có thể ảnh hưởng tới giá của trái phiếu tại từng thời điểm nhưng lại không tác động tới tổng dòng tiền của tài sản đến cuối năm do Quỹ không nắm giữ với mục đích chờ tăng giá mà chủ yếu là nắm giữ tới đáo hạn.

Đối với các tài sản là trái phiếu có lãi suất thả nổi theo biên độ, rủi ro thị trường (giá trái phiếu) là không đáng kể do biến động dòng tiền trong tương lai thường thay đổi song hành cùng với tỷ suất chiết khấu trái phiếu theo biến động của thị trường. Định hướng, chiến lược đầu tư cũng tập trung vào các tài sản có lãi suất thả nổi để giảm thiểu tối đa biến động của giá thị trường tới giá trị tài sản trong kỳ.

Rủi ro tiền tệ:

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Quỹ được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo và giao dịch chính của Quỹ là VND. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Quỹ là không có do Quỹ không nắm giữ tài sản và nợ phải trả bằng ngoại tệ tại ngày 30 tháng 06 năm 2024.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Quỹ. Quỹ có các rủi ro tín dụng từ hoạt động đầu tư tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu doanh nghiệp).

Quỹ chủ yếu duy trì số dư tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi tại các ngân hàng và tổ chức tín dụng có uy tín ở Việt Nam đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt. Các loại trái phiếu doanh nghiệp được Quỹ nắm giữ là trái phiếu của doanh nghiệp có uy tín tại Việt Nam, được nghiên cứu và phân tích kỹ lưỡng trước khi thực hiện đầu tư và được đa dạng hóa nhằm giảm thiểu rủi ro tối đa.

Bộ phận quản lý đầu tư theo dõi chặt chẽ tình hình tín dụng của các đối tác của Quỹ (ví dụ như môi giới, lưu ký, ngân hàng, tổ chức phát hành...) bằng cách xem xét tình hình tài chính, khả năng trả nợ của đối tác, báo cáo tài chính và thông tin đại chúng.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quỹ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quỹ chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Quỹ đầu tư chủ yếu trên thị trường chứng khoán và các công cụ tài chính có thanh khoản cao, trong điều kiện bình thường của thị trường, có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt. Quỹ giám sát rủi ro thanh khoản thông qua phân tích thời gian ra/vào của các luồng tiền và việc duy trì một lượng tiền mặt, các khoản tương đương tiền đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quỹ và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Quỹ cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Quỹ có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

14 . XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

STT	Ngày tính NAV	NAV	Số lượng chứng chỉ quỹ tại ngày tính NAV	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị Quỹ
		VND	VND	VND	VND
	31/12/2023	120.547.035.738	11.563.369,97	10.424,90	0,00
1.	02/01/2024	120.589.604.254	11.563.369,97	10.428,58	3,68
2	09/01/2024	122.561.379.076	11.765.650,61	10.416,88	(11,70)
3	16/01/2024	123.188.413.907	11.803.951,58	10.436,20	19,32
4	23/01/2024	123.271.974.536	11.804.518,57	10.442,77	6,57
5	30/01/2024	123.990.988.960	11.804.505,85	10.503,70	60,93
6	31/01/2024	123.476.429.616	11.804.696,25	10.459,94	(43,76)
7	06/02/2024	123.704.077.086	11.804.696,25	10.479,22	19,28
8	14/02/2024	123.901.832.654	11.804.063,35	10.496,54	17,32
9	20/02/2024	127.014.954.521	12.089.871,81	10.505,89	9,35
10	27/02/2024	126.764.623.720	12.096.236,50	10.479,67	(26,22)
11	29/02/2024	129.031.601.789	12.286.420,52	10.501,96	22,29
12	05/03/2024	130.245.518.062	12.286.420,52	10.600,77	98,81
13	12/03/2024	130.409.535.068	12.399.410,14	10.517,39	(83,38)
14	19/03/2024	131.509.682.959	12.436.820,48	10.574,22	56,83
15	26/03/2024	131.633.080.289	12.436.502,51	10.584,41	10,19
16	31/03/2024	132.113.370.373	12.436.591,45	10.622,95	38,54
17	02/04/2024	132.419.063.858	12.436.591,45	10.647,53	24,58
18	09/04/2024	131.225.391.400	12.439.605,67	10.548,99	(98,54)
19	16/04/2024	130.326.046.816	12.429.912,32	10.484,87	(64,12)
20	23/04/2024	139.489.544.534	12.477.761,43	11.179,05	694,18
21	30/04/2024	135.517.002.299	11.765.271,38	11.518,39	339,34
22	01/05/2024	135.524.165.439	11.765.271,38	11.519,00	0,61
23	07/05/2024	126.411.517.339	11.416.237,04	11.072,95	(446,05)
24	14/05/2024	126.784.530.822	11.339.948,46	11.180,34	107,39
25	21/05/2024	120.171.304.458	10.781.116,83	11.146,46	(33,88)
26	28/05/2024	123.845.370.922	10.991.580,81	11.267,29	120,83
27	31/05/2024	114.832.143.967	10.751.475,96	10.680,59	(586,70)
28	04/06/2024	113.934.957.856	10.751.475,96	10.597,14	(83,45)
29	11/06/2024	131.749.470.931	12.359.156,91	10.660,06	62,92
30	18/06/2024	140.892.627.343	13.086.257,25	10.766,45	106,39
31	25/06/2024	141.236.748.901	13.272.966,86	10.640,93	(125,52)
32	30/06/2024	144.019.353.564	13.637.467,52	10.560,56	(80,37)
Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ					128.852.640.559
Mức cao nhất trong kỳ					11.519,00
Mức thấp nhất trong kỳ					10.416,88
Biến động Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ - mức cao nhất					694,18
Biến động Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ - mức thấp nhất					0,61

QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG PVCOM

Tầng 9, Tòa nhà Hapro, Số 11B, Cát Linh,
 Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

15 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

16 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan có phát sinh giao dịch với Quỹ như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ban đại diện Quỹ	Ban đại diện Quỹ
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đại Chúng Việt Nam	Công ty Quản lý Quỹ đầu tư
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành	Ngân hàng giám sát

Quỹ có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Từ ngày 24/05/2023 đến ngày 30/06/2023
	VND	VND
Phí dịch vụ quản lý, lưu ký, giám sát và quản trị Quỹ	1.055.206.233	154.057.286
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đại Chúng Việt Nam	833.206.233	96.854.620
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành	222.000.000	57.202.666

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở	460.787.730	1.067.813.986
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đại Chúng Việt Nam	423.787.730	799.265.598
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành	37.000.000	268.548.388

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Từ ngày 24/05/2023 đến ngày 30/06/2023
	VND	VND
Thù lao Ban đại diện Quỹ	54.000.000	11.322.581

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Quỹ.

QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG PVCOM

Tầng 9, Tòa nhà Hapro, Số 11B, Cát Linh,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

17 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, số liệu trên Báo cáo thu nhập giữa niên độ, Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 24 tháng 05 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023 đã được Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội thực hiện kiểm toán và soát xét.



Đỗ Thị Kim Cúc

Người lập

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2024



Đỗ Thị Kim Cúc

PP. Phụ trách phòng TCKT



Trần Quang Vinh

Giám đốc

